

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔ LƯƠNG
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 187/2023/HNGĐ-ST

Ngày 31 – 7 – 2023

“V/v ly hôn, chia tài sản chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Hà

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Trần Văn Luyện.

- Bà Trần Thị Minh Hợi.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thuỳ Dung - Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Xeo Thái Dịu – Kiểm sát viên

Trong các ngày 26/7/2023, 31/7/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 324/2022/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2022 về việc “Ly hôn, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị O. Sinh năm 196x. Địa chỉ: Xóm X, xã LS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn:* Ông Đặng Hữu S. Sinh năm 195x. Địa chỉ: Xóm X, xã LS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa nguyên đơn trình bày như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị O kết hôn với ông Đặng Hữu S (Sinh năm 1958. Địa chỉ xóm X, xã LS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An) năm 1986, việc kết hôn chỉ làm thủ tục đám cưới theo truyền thống và không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Từ khi kết hôn đến năm 1998 vợ chồng sống hạnh phúc. Từ năm 1998 đến nay thì vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn do ông Đặng Hữu S chửi bới, đánh đập bà Trần Thị O, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Đến nay bà Trần Thị O thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho bà Trần Thị O ly hôn ông Đặng Hữu S.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông Đặng Hữu S và bà Trần Thị O có 02 con chung là chị Đặng Thị X – sinh ngày 24/10/198x, anh Đặng Hữu Q – sinh ngày 20/9/199x. Chị Đặng Thị X và anh Đặng Hữu Q đều đã trên 18 tuổi

và không có ai bị bệnh tật gì, không có nhược điểm thể chất, tâm thần. Ly hôn, bà Trần Thị O thấy rằng các con đều đã đủ tuổi trưởng thành nên các con muốn sinh sống chung với bố hay mẹ thì tùy nguyện vọng của con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Bà Trần Thị O không yêu cầu Tòa án giải quyết việc chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân.

Theo bản tự khai, biên bản hoà giải và tại phiên tòa, bị đơn trình bày như sau: Ông Đặng Hữu S đồng ý với ý kiến trình bày của bà Trần Thị O về thời gian, điều kiện kết hôn, con chung. Ông Đặng Hữu S cũng trình bày việc kết hôn giữa ông Đặng Hữu S và bà Trần Thị O thì chỉ làm đám cưới theo truyền thống; từ năm 1986 đến nay chưa khi nào làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Từ năm 1986 đến năm 2018, vợ chồng sống hạnh phúc. Từ năm 2019 đến nay, bà Trần Thị O luôn kiếm có gây sự, dựng chuyện cho rằng ông Đặng Hữu S ăn trộm tiền của bà Trần Thị O và đi nói chuyện này với người trong xóm nên ông Đặng Hữu S bức tức và có đánh bà Trần Thị O. Ông Đặng Hữu S thấy rằng tình cảm vợ chồng đang còn nên không đồng ý ly hôn. Nếu bà Trần Thị O kiên quyết yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì ông Đặng Hữu S cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị O.

- Về con chung: Ông Đặng Hữu S thấy rằng các con chung là Đặng Thị X, Đặng Hữu Q đều đã đủ tuổi trưởng thành và không bị bệnh tật về thể chất, tâm thần làm ảnh hưởng đến khả năng nhận thức, điều khiển hành vi nên các con muốn sinh sống chung với bố hay mẹ thì tùy nguyện vọng của con. Ông Đặng Hữu S không yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Ngày 14/12/2022 và ngày 26/12/2022, bị đơn nộp đơn khởi kiện có nội dung yêu cầu Tòa án chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân gồm thửa đất số 15, tờ bản đồ số 5, diện tích 1070m² thuộc xóm X, xã LS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An trị giá 1.000.000.000 đồng (Một tỷ đồng) và 02 (Hai) ngôi nhà trên thửa đất này trị giá 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng); giường, tủ, máy điều hòa, máy nóng lạnh trị giá 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

- Về nợ chung: Ông Đặng Hữu S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 25/7/2023, ông Đặng Hữu S rút một phần yêu cầu khởi kiện, cụ thể là rút yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân gồm giường, tủ, điều hòa, máy nóng lạnh trị giá 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng. Đồng thời bổ sung yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án chia tài sản chung là 01 (Một) ràn chăn nuôi có diện tích 34,5m² trị giá 10.000.000 (Mười triệu) đồng.

Ngày 31/7/2023, ông Đặng Hữu S nộp đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Tại phiên tòa, bà Trần Thị O đồng ý với việc ông Đặng Hữu S rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Tại phần tranh luận:

- Ý kiến của bà Trần Thị O: Bà Trần Thị O giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết cho bà Trần Thị O được ly hôn ông Đặng Hữu S; không yêu cầu xem xét việc nuôi con chung; không yêu cầu chia tài sản chung, nợ chung trong thời kỳ hôn nhân; đồng ý với việc ông Đặng Hữu S rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

- Ý kiến của ông Đặng Hữu S: Ông Đặng Hữu S đồng ý ly hôn với bà Trần Thị O. Ông Đặng Hữu S xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân và không yêu cầu chia nợ chung; không yêu cầu xem xét việc nuôi con chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An sau khi phân tích, đánh giá việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đánh giá nội dung vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: điểm a mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 155, Điều 157, Điều 163, Điều 165, Điều 217, Điều 218 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị O được ly hôn ông Đặng Hữu S.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, bà Trần Thị O và ông Đặng Hữu S có 02 (Hai) con chung là chị Đặng Thị X – sinh ngày 24/10/198x, anh Đặng Hữu Q – sinh ngày 20/9/199x. Các con chung đều đã trên 18 tuổi, không ai bị bệnh thể chất, tâm thần làm ảnh hưởng đến khả năng nhận thức, điều khiển hành vi, làm mất khả năng lao động nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét về vấn đề nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Đặng Hữu S có nộp đơn đề nghị chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nhưng ngày 31/7/2023, ông Đặng Hữu S nộp đơn xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Đặng Hữu S

- Về tiền xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đo đạc thực địa: Ông Đặng Hữu S phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đo đạc thực địa.

- Về án phí: Buộc bà Trần Thị O phải chịu án phí dân sự trong vụ án ly hôn theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày của các đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án phải tiến hành thu thập chứng cứ trong quá trình giải quyết vụ án nên thuộc trường hợp Viện kiểm sát phải tham gia phiên tòa theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự.

Trong vụ án này, do bị đơn có yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, trong đó có yêu cầu chia thửa đất số 15, tờ bản đồ số 5, diện tích 1071m² và các tài sản gắn với thửa đất này thuộc xóm X, xã LS, huyện DL, tỉnh Nghệ An nên Tòa án xác định Ủy ban nhân dân huyện Đô Lương, Ủy ban nhân dân xã Lạc Sơn, ông Lê Mạnh H - sinh năm 198x, bà Nguyễn Thanh H - sinh năm 198x, ông Lê Văn H - sinh năm 194x, bà Trần Thị T - sinh năm 194x, bà Lê Thị M – sinh năm 197x, ông Trần Doãn H - sinh năm 192x, bà Nguyễn Thị

Kh - sinh năm 192x, ông Trần Khắc Hx - sinh năm 195x, bà Nguyễn Thị B - sinh năm 195x (Đều có địa chỉ xóm X, xã LS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An) là những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và triệu tập để tham gia tố tụng tại phiên tòa. Nhưng ngày 31/7/2023, ông Đặng Hữu S đã nộp đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân nên Hội đồng xét xử thấy rằng Ủy ban nhân dân xã Lạc Sơn, Ủy ban nhân dân huyện Đô Lương, ông Lê Mạnh H, bà Nguyễn Thanh H, ông Lê Văn H, bà Trần Thị T, bà Lê Thị M, ông Trần Doãn H, bà Nguyễn Thị Kh, ông Trần Khắc H, bà Nguyễn Thị B không còn có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gì đến vụ án nên việc vắng mặt của những người này tại phiên tòa thì không làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án.

[2] Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông Đặng Hữu S có địa chỉ tại xóm X, xã LS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An. Bà Trần Thị O làm đơn khởi kiện đề nghị giải quyết việc ly hôn với ông Đặng Hữu S. Ông Đặng Hữu S có đơn khởi kiện đề nghị chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Do đó đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân”. Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An thụ lý giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Theo lời khai của các đương sự thống nhất trình bày năm 1986 ông Đặng Hữu S và bà Trần Thị O có tổ chức đám cưới nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Hội đồng xét xử thấy rằng nguyên đơn, bị đơn đều không cung cấp được tài liệu chứng minh việc đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Căn cứ Công văn số 30/BC-UBND ngày 08/3/2023 của Ủy ban nhân dân xã Lạc Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An có nội dung: “Được biết ông Đặng Hữu S, bà Trần Thị O về xã Lạc Sơn sinh sống từ năm 1987. Theo ông Đặng Hữu S, bà Trần Thị O có làm thủ tục đăng ký kết hôn năm 1986 tại UBND xã Lạc Sơn. Nhưng qua kiểm tra sổ hộ tịch lưu tại UBND xã Lạc Sơn từ tháng 7/1995 đến nay không có tên ông Đặng Hữu S, bà Trần Thị O. Ông Đặng Hữu S, bà Trần Thị O cũng không xuất trình được giấy chứng nhận kết hôn do UBND xã Lạc Sơn cấp. Nên UBND xã không thể chứng minh được ông Đặng Hữu S, bà Trần Thị O có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lạc Sơn hay không và cũng không thể cấp bản sao trích lục kết hôn cho ông Đặng Hữu S, bà Trần Thị O”.

Tại điểm a mục 3 Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình quy định: “Trong trường hợp quan hệ vợ chồng được xác lập trước ngày 03/01/1987, ngày Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 có hiệu lực mà chưa đăng ký kết hôn thì được khuyến khích đăng ký kết hôn; trong trường hợp có yêu cầu ly hôn thì được Tòa án thụ lý giải quyết theo quy định về ly hôn của Luật hôn nhân và gia đình năm 2000”.

Căn cứ vào lời khai của các đương sự và ý kiến của Ủy ban nhân dân xã Lạc Sơn, Hội đồng xét xử thấy rằng ông Đặng Hữu S và bà Trần Thị O chung sống với nhau như vợ chồng từ trước ngày 03/01/1987 (Từ năm 1986) cho đến nay nên xác định đây là hôn nhân thực tế, không có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Tòa án và Hội đồng xét xử đã tiến hành hòa giải để tạo điều kiện cho các đương sự đoàn tụ

và làm thủ tục đăng ký kết hôn nhưng ông Sơn, bà Oanh đều không đồng ý đoàn tụ, không làm thủ tục đăng ký kết hôn. Xét từ tháng 12/2022 đến nay, mặc dù ông Đặng Hữu S và bà Trần Thị O sống trong cùng một nhà nhưng không còn quan tâm đến nhau, không ai có biện pháp để níu kéo, gìn giữ tình cảm vợ chồng và gây dựng hạnh phúc gia đình, do đó có căn cứ khẳng định tình cảm vợ chồng giữa ông Đặng Hữu S và bà Trần Thị O là không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị O và giải quyết cho bà Trần Thị O được ly hôn ông Đặng Hữu S.

[4] Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân, ông Đặng Hữu S và bà Trần Thị O có 02 con chung là chị Đặng Thị X – sinh ngày 24/10/198x, anh Đặng Hữu Q – sinh ngày 20/9/199x. Các con chung đều đã trên 18 tuổi, không có ai bị bệnh tật gì, không có nhược điểm thể chất, tâm thần, không bị mất khả năng lao động nên ông Đặng Hữu S, bà Trần Thị O không phải có nghĩa vụ gì đối với các con chung. Vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung và nợ chung:

- Về tài sản chung: Ngày 14/12/2022 và ngày 26/12/2022, ông Đặng Hữu S yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân là thửa đất số 15, tờ bản đồ số 5, diện tích 1070m² thuộc xóm X, xã LS, huyện ĐL, tỉnh Nghệ An và 02 (Hai) ngôi nhà trên thửa đất này trị giá 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng), 01 (Một) ràn chăn nuôi trị giá 10.000.000 (Mười triệu) đồng; giường, tủ, máy điều hòa, máy nóng lạnh trị giá 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng).

Ngày 25/7/2023, ông Đặng Hữu S nộp đơn xin rút một phần yêu cầu khởi kiện và bổ sung yêu cầu khởi kiện.

Ngày 31/7/2023, ông Đặng Hữu S nộp đơn xin rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân. Hội đồng xét xử thấy rằng việc ông Đặng Hữu S rút toàn bộ yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân là trên tinh thần tự nguyện, không bị ai ép buộc, không vi phạm pháp luật và nguyên đơn cũng đồng ý với việc này, do đó Hội đồng xét xử đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của ông Đặng Hữu S.

- Về nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông Đặng Hữu S, bà Trần Thị O đều trình bày trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng không có vay, mượn tiền, tài sản của cá nhân, tổ chức nào; cũng không cho cá nhân, tổ chức nào vay, mượn tiền, tài sản và không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét vấn đề nợ chung của trong thời kỳ hôn nhân.

[6] Về chi phí tố tụng: Trong vụ án này, ông Đặng Hữu S là người làm đơn yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đo đạc thực địa và đã nộp tiền tạm ứng chi phí tố tụng.

Tòa án đã tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và đo đạc thực địa với tổng chi phí hết 5.630.300 đồng (Năm triệu, sáu trăm, ba mươi nghìn, ba trăm đồng). Ông Đặng Hữu S đã tự nguyện rút yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân, do đó ông Đặng Hữu S phải chịu toàn bộ chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đo đạc thực địa.

Số tiền còn lại sau khi chi phí cho việc xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đo đạc thực địa là 4.369.700 đồng (Bốn triệu, ba trăm, sáu mươi chín nghìn, bảy trăm đồng) đã được Tòa án trả lại cho ông Đặng Hữu S ngày 25/7/2023.

[7] Về án phí: Bà Trần Thị O phải chịu án phí dân sự trong vụ án hôn nhân gia đình theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 155, Điều 157, Điều 163, Điều 165, Điều 217, Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a mục 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội khóa X về việc thi hành Luật hôn nhân và gia đình; Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị O.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trần Thị O ly hôn ông Đặng Hữu S.

2. Về con chung: Không xem xét

3. Về tài sản chung: Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Hữu S về việc đề nghị Tòa án chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án (Đối với yêu cầu chia tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân) theo quy định pháp luật.

- Về nợ chung: Không xem xét.

4. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Đặng Hữu S phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản, đo đạc thực địa là 5.630.300 đồng (Năm triệu, sáu trăm, ba mươi nghìn, ba trăm đồng) – Đã thi hành xong.

5. Về án phí: Buộc bà Trần Thị O phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự trong vụ án hôn nhân gia đình nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) do bà Trần Thị O đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002773 ngày 09/12/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An.

6. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Đô Lương;
- Chi cục THADS huyện Đô Lương;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND tỉnh Nghệ An;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Hồng Hà